|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU**  Số: /2023/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày tháng năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 3 như sau:

“b) Quản lý tốt việc xây dựng nhà ở của Nhân dân, cảnh quan, lòng đường, hè phố theo quy định; thực hiện tốt vệ sinh môi trường; sắp xếp các điểm chợ, vỉa hè, giết mổ gia súc, gia cầm hợp lý, vệ sinh, thu gom rác thải đúng quy định; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố đạt tiêu chí Quy hoạch của đô thị văn minh, tiêu chí Nhà ở của xã nông thôn mới, không có nhà tạm, dột nát; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở đô thị, ở nông thôn và tỷ lệ hộ dân cư có nhà vệ sinh, nhà tắm, dụng cụ chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt tỷ lệ theo tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm của đô thị văn minh, xã nông thôn mới *(3 điểm)*”.

2. Sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 3 như sau:

“a)Hàng năm có kế hoạch và thực hiện phát triển giáo dục Mầm non tổ chức các lớp mẫu giáo, nhà trẻ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo của xã nông thôn mới *(2 điểm)*”.

3. Sửa đổi điểm c khoản 6 Điều 3 như sau:

“c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình về Dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; vệ sinh an toàn thực phẩm, y tế cơ sở trên địa bàn; tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế đạt chuẩn theo tiêu chí Y tế của xã nông thôn mới, tiêu chí Y tế, giáo dục đô thị của đô thị văn minh *(2 điểm)*”.

4. Sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 3 như sau:

“d) Các thôn, bản, tổ dân phố đều xây dựng hương ước, quy ước (được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận) đưa vào tổ chức thực hiện; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đăng ký và thực hiện đạt chuẩn văn hóa và gia đình văn hóa đạt tiêu chí Văn hóa của đô thị văn minh, xã nông thôn mới *(2 điểm)*”.

5. Sửa đổi khoản 8 Điều 3 như sau:

“**8. Tiêu chí 8. Kết quả thực hiện Cải cách hành chính**

a) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 85% trở lên *(8 điểm).*

b) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85% *(7 điểm)*.

c) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 65% đến dưới 75% *(6 điểm)*.

d) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 50% đến dưới 65% *(5 điểm)*.

Kết quả thực hiện Cải cách hành chính lấy từ kết quả thực hiện từ năm trước liền kề, được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại vào năm đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã”.

6. Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 3 như sau:

“b) Điểm thưởng khi thực hiện tốt 19 tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với xã và 09 tiêu chí đạt chuẩn văn minh đô thị đối với phường, thị trấn:

***\* Điểm thưởng đối với xã khi thực hiện tốt 19 tiêu chí về nông thôn mới***

*Đối với các xã không thuộc xã điểm Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu:*

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 2 tiêu chí: thưởng 1 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 3 tiêu chí: thưởng 2 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 4 tiêu chí: thưởng 3 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 5 tiêu chí trở lên: thưởng 4 điểm;

- Các xã đã đạt từ 15 tiêu chí trở lên, trong năm hoàn thành thêm các tiêu chí và đạt 19/19 tiêu chí: thưởng 4 điểm;

- Các xã đã đạt 19/19 (100%) tiêu chí, hàng năm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí: thưởng 4 điểm.

*Đối với những xã thuộc xã điểm Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu:*

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 3 tiêu chí: thưởng 1 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 4 tiêu chí: thưởng 2 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 5 tiêu chí: thưởng 3 điểm;

- Hàng năm đạt tăng thêm so với năm trước 6 tiêu chí trở lên: thưởng 4 điểm;

- Các xã đã đạt từ 14 tiêu chí trở lên, trong năm hoàn thành thêm các tiêu chí và đạt 19/19 tiêu chí: thưởng 4 điểm;

- Các xã đã đạt 19/19 (100%) tiêu chí, hàng năm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí: thưởng 4 điểm.

***\* Điểm thưởng đối với phường, thị trấn khi thực hiện tốt 9 tiêu chuẩn văn minh đô thị***

- Đạt 6/9 tiêu chuẩn: thưởng 1 điểm;

- Đạt 7/9 tiêu chuẩn: thưởng 2 điểm;

- Đạt 8/9 tiêu chuẩn: thưởng 3 điểm;

- Đạt 9/9 tiêu chuẩn (phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị): thưởng 4 điểm.

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Xếp loại chính quyền cấp xã

a) Loại tốt:

- Tổng số điểm đạt từ 85 trở lên và có ít nhất 04 tiêu chí đạt điểm tối đa, các tiêu chí còn lại đạt từ 80% điểm chuẩn trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 85% trở lên, không có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Loại khá:

- Tổng số điểm đạt 85 trở lên nhưng không đủ tiêu chuẩn đạt loại tốt hoặc tổng số điểm đạt từ 70 đến 84 và có ít nhất 02 tiêu chí đạt điểm tối đa, các tiêu chí còn lại đạt từ 70% điểm chuẩn trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80% trở lên, không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

c) Loại trung bình:

- Tổng số điểm đạt từ 70 đến 84 nhưng không đủ tiêu chuẩn đạt loại khá hoặc tổng số điểm đạt từ 50 đến 69.

d) Loại yếu: Tổng số điểm đạt dưới 50 hoặc khi để xảy ra một trong các hình thức sau:

- Hội đồng nhân dân bị giải tán.

- Tập thể Ủy ban nhân dân bị kỷ luật.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm thấp trên 50% đối với một trong các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (chỉ tính vào năm lấy phiếu tín nhiệm).

- Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật do tham nhũng.

- Có cán bộ, công chức, bị phạt tù do vi phạm pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ.

- Có 3 tiêu chí trở lên đạt dưới 50% số điểm chuẩn.

đ) Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và các hình thức kỷ luật để xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn tại các điểm a, b, d khoản này không áp dụng đối với Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Ngay sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức của cấp có thẩm quyền và báo cáo tổng kết năm của cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xây dựng dự thảo tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã gửi Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã và thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia ý kiến”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Thẩm định, quyết định xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn**

1. Phòng Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ xếp loại chính quyền cấp xã hàng năm, thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên Hội đồng thẩm định gồm Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an cấp huyện, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện, Trưởng phòng Nội vụ là thành viên kiêm thư ký.

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng thẩm định phải tiến hành họp để thẩm định hồ sơ kết quả tự đánh giá, xếp loại của chính quyền cơ sở và bỏ phiếu chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã. Hội đồng thẩm định có thể mời đại diện lãnh đạo cấp ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc cấp huyện cùng dự để cho ý kiến vào kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Thẩm định hồ sơ kết quả tự đánh giá xếp loại của chính quyền cấp xã và bỏ phiếu chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

c) Hội đồng thẩm định họp khi có 2/3 số thành viên trở lên tham dự.

d) Điểm xếp loại chính quyền cấp xã là điểm trung bình cộng của tất cả các phiếu điểm của thành viên dự họp.

đ) Biên bản họp Hội đồng thẩm định phải ghi đầy đủ ý kiến đóng góp của các thành viên, điểm trung bình cộng của các thành viên. Các phiếu chấm điểm của thành viên dự họp được lưu cùng hồ sơ đánh giá, xếp loại chính quyền xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trên cơ sở thẩm định kết quả chấm điểm đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã, Phòng Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo**

Chậm nhất ngày 25 tháng 01 năm sau liền kề, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày …. tháng 7 năm 2023; bãi bỏ Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Nội vụ;  - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;  - TT. Tỉnh ủy;  - TT. HĐND tỉnh;  - UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Báo Lai Châu;  - Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;  - Công báo tỉnh;  - Lưu: VT, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH** |